

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/DS-PT
Ngày: 27 - 02 - 2020
V/v hủy di chúc đã công chứng
và đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chung

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Kim Khánh

Bà Lưu Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Thùy – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắc Lắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắc Lắc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 27/02/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắc Lắc mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 208/2019/TLPT-DS ngày 09/10/2019, về việc “Hủy di chúc đã công chứng và đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2019/DS-ST ngày 14/8/2019 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắc Lắc bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 248/2019/QĐPT-DS ngày 21/10/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 198/2019/QĐ-PT ngày 07/11/2019 và Thông báo mở lại phiên tòa số 47/2020/TB-TA ngày 10/02/2020.

1. Nguyên đơn: Bà Thái Thị T, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Đường N, phường C, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mạc Minh Q, sinh năm 1979 (có mặt);

Địa chỉ: Chung cư T, khu phố A, phường T, quận X, thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 23/3/2019).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1945;

Địa chỉ: Đường L, phường B, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Văn H, sinh năm 1983 (có mặt);

Địa chỉ: Đường Y, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 05/6/2018).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: Đường Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Nhật N – Chuyên viên phòng tài nguyên và môi trường (Văn bản ủy quyền ngày 08/4/2019), có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Phòng công chứng M (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Văn phòng công chứng Đ (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Đường Q, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

- Bà Vũ Thị M, ông Hoàng Văn Đ và bà Hoàng Thị Thúy D (vắng mặt);

Địa chỉ: Đường J, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Trần Quốc V và bà Lê Thị Mỹ H (vắng mặt);

Địa chỉ: Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bà Phạm Thị L;

Địa chỉ: Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1991 (vắng mặt);

Địa chỉ: Đường Q, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 29/5/2018);

- Công ty cổ phần dịch vụ đấu giá T (vắng mặt);

Địa chỉ: Tòa nhà V, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Ngân hàng thương mại cổ phần X;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Ngọc D – Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần X - Chi nhánh Đắk Lắk (có đơn từ chối tham gia tố tụng);

Địa chỉ: Đường J, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

4. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Thái Thị T: Ông Sin Thoại K, Luật sư – Công ty TNHH MTV T, thuộc đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

Địa chỉ: Đường C, phường D, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

5. Người kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn bà Thái Thị T, bị đơn bà

Nguyễn Thị Kim D; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Thửa đất số 67, tờ bản đồ số 20, diện tích 360,7m², địa chỉ đường P, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk có nguồn gốc từ thửa đất số 67, tờ bản đồ số 20, diện tích là 489,6m² do bà Nguyễn Thị S lập di chúc để lại cho con là bà Nguyễn Thị S1 từ năm 1980. Ngày 12/4/2007, UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 410153 cho hộ bà Nguyễn Thị S1 đối với thửa đất trên. Ngày 29/6/2009, UBND thành phố B cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 775279 cho hộ bà Nguyễn Thị S1 theo đúng diện tích gia đình bà đang sử dụng (diện tích 360,7m²). Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1952, trú tại đường P, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là con duy nhất của bà S1.

Ngày 25/01/1989, ông Nguyễn Văn H đăng ký kết hôn với bà Thái Thị T tại UBND phường L theo giấy chứng nhận kết hôn số 19, quyền số 01.

Ngày 30/01/2011, bà Nguyễn Thị S1 (mẹ ruột ông H) chết. Ngày 18/3/2011, ông Nguyễn Văn H lập văn bản khai nhận tài sản thừa kế, trong đó có quyền sử dụng đất là thửa đất số 67, tờ bản đồ 20, diện tích 360,7m², địa chỉ đường P, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 775279 do UBND thành phố B cấp ngày 29/6/2009 cho bà S1), được Phòng công chứng M chứng thực. Đến ngày 26/3/2011, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố B chỉnh lý sang tên cho ông Nguyễn Văn H đối với thửa đất nêu trên.

Ngày 13/7/2011, ông Nguyễn Văn H lập di chúc giao toàn bộ tài sản nêu trên cho chị họ là bà Nguyễn Thị Kim D sau khi ông chết và được Phòng công chứng M chứng thực.

Ngày 22/3/2012, ông Nguyễn Văn H chuyển nhượng cho ông Trần Quốc V và bà Lê Thị Mỹ H diện tích 64,1m² (trong diện tích 360,7m²). Đến ngày 06/4/2012, UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 662793 cho ông Việt và bà Hạnh đối với thửa đất số 165, tờ bản đồ 20, diện tích 64,1m² đất ở.

Ngày 16/5/2012, ông Nguyễn Văn H chết (theo giấy chứng tử số 18/2012, quyền số 01/2005 ngày 17/05/2012). Sau khi ông H chết, bà Nguyễn Thị Kim D căn cứ vào di chúc do ông H lập để tiến hành thủ tục khai nhận di sản thừa kế và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố B xác nhận thay đổi người sử dụng đất cho bà D vào ngày 29/6/2012, đối với diện tích đất 296,6m², thuộc thửa số 67, tờ bản đồ số 20. Bà Nguyễn Thị Kim D nộp nghĩa vụ tài chính thuế để được nhận tài sản thừa kế nói trên với số tiền là 904.455.300 đồng.

Ngày 02/7/2012, bà Nguyễn Thị Kim D tách thửa đất trên thành 02 thửa. Sau đó, bà D chuyển nhượng 143,7m² đất cho bà Vũ Thị M; chuyển nhượng 152,9m² đất cho ông Trần Quốc V và bà Lê Thị Mỹ H tại Văn phòng công chứng Đ. Ngày 27/7/2012, bà M được UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 654522, thửa đất 166, tờ bản đồ 20, diện tích 143,7m²; Ông V và bà H được UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 654521 đối với thửa đất số 67, tờ bản đồ 20, diện tích 152,9m².

Tháng 5/2014, bà Thái Thị T làm đơn gửi UBND phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để yêu cầu bà D trả lại 360,7m² đất tại đường P, phường L, thành phố B. Ngày 16/6/2014, UBND phường L tiến hành hoà giải giữa hai bên nhưng không thành.

Ngày 24/6/2014, ông V và bà H ký Hợp đồng bán đấu giá thửa đất số 67, tờ bản đồ 20, diện tích 152,9m² với Công ty cổ phần dịch vụ đấu giá T. Theo Biên bản bán đấu giá ngày 04/7/2014 thì người mua được tài sản bán đấu giá là bà Phạm Thị L. Sau đó, bà L được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố B chỉnh lý thay đổi người sử dụng đất ngày 18/7/2014. Ngày 21/8/2014, bà Phạm Thị L lập thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận và được UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận số BT 779496.

Ngày 27/6/2014, bà T khởi kiện bà D tại Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột. Đề nghị Tòa án hủy di chúc lập ngày 13/7/2011 từ ông Nguyễn Văn H cho bà Nguyễn Thị Kim D, được Phòng công chứng M chứng thực ngày 13/7/2011, số công chứng 2055, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐG; Hủy quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cho bà Nguyễn Thị Kim D; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hủy cập nhật tên bà Nguyễn Thị Kim D tại Mục VI những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành AP 775279, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H-01063 do UBND thành phố B cấp cho hộ bà Nguyễn Thị S1 ngày 29/06/2009; Buộc bà Nguyễn Thị Kim D trả lại cho bà Tình 360,7m² đất và nhà tọa lạc tại đường P, phường L, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 02/3/2015, bà Vũ Thị M và ông Hoàng Văn Đ lập Hợp đồng tặng cho bà Hoàng Thị Thuý D (con gái) thửa đất số 166, tờ bản đồ số 20, diện tích 143,7m². Ngày 21/3/2015, bà D được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố B xác nhận đăng ký biến động thay đổi người sử dụng đất cho bà D trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Thái Thị T - Ông Mạc Minh Q, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp ông Sin Thoại K trình bày:*

Nhà và đất tọa lạc tại số đường P, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk có diện tích 360,7m², là tài sản chung của bà T và ông H trong thời kỳ hôn nhân,

nhưng ông H đã giấu bà T làm di chúc để lại toàn bộ tài sản trên cho bà Nguyễn Thị Kim D. Mặc dù biết ông H đã có vợ và chưa được sự đồng ý của bà T, nhưng Phòng công chứng M vẫn công chứng vào nội dung của bản di chúc ngày 13/7/2011 là làm thiệt hại đến quyền và lợi hợp pháp của bà T.

Việc ông H lập di chúc cho bà D được hưởng toàn bộ tài sản của vợ chồng, bà T không hề hay biết. Sau khi ông H bệnh nặng chết vào ngày 16/5/2012, bà T tiến hành các thủ tục kê khai di sản thừa kế mới biết được ông H đã để lại di chúc cho bà D.

Vì vậy, bà Thái Thị T yêu cầu Tòa án:

- Hủy di chúc lập ngày 13/7/2011 từ ông Nguyễn Văn H cho bà Nguyễn Thị Kim D, được Phòng công chứng M chứng thực ngày 13/7/2011, số công chứng 2055, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐG.

- Hủy quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cho bà Nguyễn Thị Kim D; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hủy cập nhật tên bà Nguyễn Thị Kim D tại Mục VI những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành AP 775279, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H-01063 do UBND thành phố B cấp cho hộ bà Nguyễn Thị S1 ngày 29/6/2009.

- Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà Nguyễn Thị Kim D cho bà Vũ Thị M được Văn phòng công chứng Đ chứng thực ngày 02/7/2012, chứng thực số 1969, quyền số 07/CC-SCC/HĐGD.

- Hủy quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp cho bà Vũ Thị M; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành BG 654522, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 7678 do UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đã cấp trái pháp luật cho bà Vũ Thị M ngày 27/7/2012.

- Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà Nguyễn Thị Kim D cho ông Trần Quốc V và bà Lê Thị Mỹ H được Văn phòng công chứng Đ chứng thực ngày 02/7/2012, chứng thực số 3770, quyền số 07/CC-SCC/HĐGD.

- Hủy Quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cho ông Trần Quốc V và bà Lê Thị Mỹ H; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành BG 654521 do UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đã cấp trái pháp luật cho ông Trần Quốc V và bà Lê Thị Mỹ H ngày 27/07/2012.

- Hủy hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 95/2014/HĐMB-ĐGTN ngày 04/7/2014 do Công ty cổ phần đấu giá T tổ chức bán đấu giá từ ông Trần Quốc V và bà Lê Thị Mỹ H cho bà Phạm Thị L do Văn Phòng công chứng Đ công chứng số 5442, quyền số 07/CC-SCC/HĐĐG ngày 04/7/2014.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 779469 do UBND thành phố B cấp ngày 21/8/2014 cho bà Phạm Thị L.

- Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 150/2015/HĐTA ngày 02/3/2015 từ bà Vũ Thị M, ông Hoàng Văn Đ cho bà Hoàng Thị Thúy D được Văn phòng công chứng L chứng thực ngày 02/3/2015, chứng thực số 1710, quyển số 12/TP/CC-SCC/HĐGD.

- Hủy tên bà Hoàng Thị Thúy D do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố B cập nhật ngày 23/3/2015 tại Mục IV những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG654522 do UBND thành phố B cấp trái pháp luật cho bà Vũ Thị M.

- Buộc bà Nguyễn Thị Kim D, bà Vũ Thị M, ông Hoàng Văn Đ và ông Trần Quốc V, bà Lê Thị Mỹ H, bà Phạm Thị L, bà Hoàng Thị Thúy D trả lại cho bà T 360,7m² đất và nhà tọa lạc tại số đường P, phường L, tỉnh Đắk Lắk mà bà T được hưởng thừa kế từ chồng là ông Nguyễn Văn H.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn – Ông Văn H trình bày:*

Tài sản mà ông Nguyễn Văn H để lại là tài sản riêng của ông H được nhận thừa kế do mẹ ông là bà Nguyễn Thị S1 chết để lại nên ông H có quyền lập di chúc để lại cho bà D và di chúc được công chứng hợp pháp. Do đó, yêu cầu hủy di chúc đã được công chứng của bà Thái Thị T là không có cơ sở chấp nhận.

Mặt khác, tài sản sau khi nhận di sản thừa kế, bà Nguyễn Thị Kim D đã chuyển nhượng cho người khác. Số tiền chuyển nhượng ngoài việc phục vụ đóng thuế, một phần thì bà D cho các cháu trong dòng họ có hoàn cảnh khó khăn (trong đó bà Thái Thị T cũng được cho), phần còn lại bà hiến tặng cho Nhà thờ để làm từ thiện. Hiện tại, tài sản nói trên không còn thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà D. Vì vậy, việc bà Thái Thị T khởi kiện đòi lại tài sản từ bà D là không có cơ sở chấp nhận. Ngoài ra, trong dòng họ gia đình không ai xác nhận bà Thái Thị T là vợ của ông H còn về góc độ pháp luật việc ông H và bà T có đăng ký kết hôn hay không thì trong gia đình không ai được biết.

Vì vậy, bà D đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thái Thị T.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị L - Ông Nguyễn Minh H trình bày:*

Vào khoảng cuối tháng 6/2014, được biết trên phương tiện thông tin đại chúng có thông báo bán đấu giá tài sản là lô đất và tài sản gắn liền trên đất tại đường P, thành phố B do Công ty cổ phần dịch vụ đấu giá T tổ chức bán đấu giá. Vì vậy, bà L đã trực tiếp liên hệ và mua hồ sơ tham gia đấu giá tài sản nói trên.

Sau khi hoàn tất các thủ tục để tham gia đấu giá, ngày 04/7/2014, Công ty cổ phần dịch vụ đấu giá T tổ chức đấu giá thành đổi với tài sản và bà L là người mua trúng đấu giá tài sản với giá bán là 5.050.000.000 đồng. Ngày 04/7/2014, Công ty cổ phần dịch vụ đấu giá T đã ký kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá đã ký kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá với bà L và đã được Văn phòng công chứng Đ công chứng số 5442, quyển số 07 CC-SCC/HĐĐG. Ngày 08/7/2014, đại diện Công ty cổ phần dịch vụ đấu giá T đã bàn giao tài sản đấu giá cho bà L. Bà Lan đã hoàn tất các thủ tục, giấy tờ, hồ sơ đấu giá nộp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố B để sang tên tài sản, và được UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 779469 ngày 21/8/2014.

Do đó, bà đề nghị Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà theo quy định của pháp luật.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị M, ông Hoàng Văn Đ trình bày:*

Do nhu cầu sử dụng của gia đình, bà Vũ Thị M đã nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị Kim D thửa đất số 166, tờ bản đồ số 20, diện tích 143,7m²; địa chỉ đường P, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vào năm 2015, vì sức khỏe yếu tuổi đã lớn nên ông bà đã lập hợp đồng tặng cho tài sản cho con gái là Hoàng Thị Thúy D tài sản trên. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà M đã được chỉnh lý cho bà Hoàng Thị Thúy D vào ngày 23/3/2015.

Ông bà khẳng định rằng việc bà M nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên là hoàn toàn đúng với quy định của pháp luật. Hồ sơ đã được chứng thực và bà đã được UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc tranh chấp di sản thừa kế giữa bà T và bà D không liên quan gì đến ông bà.

Do đó, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Thúy D trình bày:* Bà đã được bố mẹ là bà Vũ Thị M, ông Hoàng Văn Đ tặng cho hợp pháp thửa đất số 166, tờ bản đồ số 20, diện tích 143,7m²; địa chỉ đường P, phường L. Vì vậy, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Phòng công chứng M trình bày:*

Phòng công chứng M nhận được yêu cầu của ông Nguyễn Văn H sinh năm 1952, địa chỉ đường P, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về việc công chứng di chúc để lại tài sản là quyền sử dụng đất của mình cho bà Nguyễn Thị Kim D, tài sản di chúc là quyền sử dụng đất thửa số 67, tờ bản đồ số 20, diện tích là 360,7m², hình thức sử dụng riêng, mục đích sử dụng: đất ở đô thị, thời hạn sử dụng: lâu dài, nguồn gốc sử dụng: nhận thừa kế quyền sử dụng đất theo GCNQSD đất số AP

775279 do UBND thành phố B cấp ngày 29/6/2009, thay đổi chủ sử dụng ngày 26/3/2011.

Ông Nguyễn Văn H cung cấp cho Phòng công chứng M các giấy tờ, tài liệu sau: Di chúc công chứng số 2055 quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/7/2011; Sổ hộ khẩu gia đình (ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Kim D); Chứng minh nhân dân của ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Kim D; Giấy chứng quyền sử dụng đất số AP 775279 do UBND thành phố B cấp ngày 29/6/2009, cập nhật thay đổi chủ sử dụng ngày 26/3/2011.

Nội dung các giấy tờ trên đã thể hiện được các quyền thừa kế, quyền có tài sản riêng của ông Nguyễn Văn H đúng với quy định của pháp luật. Do đó, Phòng công chứng M đã tiếp nhận và thực hiện công chứng Di chúc của ông Nguyễn Văn H theo số công chứng 2055 quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/7/2011. Tất cả các quy trình tiếp nhận, kiểm tra và giải quyết hồ sơ công chứng thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Do đó, việc bà Thái Thị T khởi kiện yêu cầu hủy di chúc đã công chứng số 2055 quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/7/2011 là không có cơ sở, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan UBND thành phố B trình bày: Việc UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố B chỉnh lý biến động thay đổi người sử dụng cho các cá nhân có tên nêu trên được thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật đất đai. Đề nghị Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ của các bên liên quan và kết quả xác minh thực tế để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.*

** Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần dịch vụ đấu giá T trình bày: Ngày 24/6/2014, Công ty cổ phần dịch vụ đấu giá T ký kết hợp đồng bán đấu giá tài sản với ông Trần Quốc V và bà Lê Thị Mỹ H. Tài sản là quyền sử dụng đất theo Giấy CNQSD đất số BG654521, thuộc thửa số 67, tờ bản đồ số 20, diện tích 152,9m² do UBND thành phố B cấp ngày 27/7/2012. Giá khởi điểm là 5.000.000.000 đồng. Nhận thấy tài sản bán đấu giá không thể chấp vay vốn ngân hàng, không thi hành bất kỳ bản án nào của Tòa án hoặc thanh toán nợ và không tranh chấp với ai. Theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 26 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá, Công ty đã ký kết hợp đồng với ông V, bà H. Về lý do tại sao ông Trần Quốc V và bà Lê Thị Mỹ H lựa chọn hình thức bán đấu giá để bán tài sản của mình thì Công ty không được biết và không có thẩm quyền tra xét việc trên vì đây là nhu cầu hợp pháp của chủ tài sản và không vi phạm điều cấm của pháp luật. Công ty đã thực hiện đúng các*

trình tự thủ tục theo quy định về bán đấu giá. Sau khi tổ chức bán đấu giá thì người mua được tài sản là bà Phạm Thị L.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị T, Công ty không có ý kiến gì.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Ngân hàng TMCP X trình bày: Vụ việc không liên quan đến ngân hàng nên ngân hàng không có ý kiến về việc giải quyết vụ án, Ngân hàng cũng từ chối tham gia tố tụng, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.*

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2019/DS-ST ngày 14/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 2, khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 53, Điều 54, Điều 220, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 157, Điều 159, Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 138 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 634, Điều 635, Điều 669 Bộ luật dân sự 2005; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016 ngày 13/01/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị T về việc “Yêu cầu hủy di chúc đã được công chứng và đòi lại tài sản”.

Hủy di chúc lập ngày 13/7/2011 của ông Nguyễn Văn H cho bà Nguyễn Thị Kim D, được Phòng công chứng M chứng thực ngày 13/7/2011, số công chứng 2055, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐG.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim D phải thanh toán lại giá trị tài sản bà Thái Thị T được hưởng là 10.376.690.437 đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án khi đương sự có đơn yêu cầu.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị T về việc hủy các quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND thành phố B cho bà Nguyễn Thị Kim D, bà Vũ Thị M, bà Hoàng Thị Thúy D, ông Trần Quốc V, bà Lê Thị Mỹ H và bà Phạm Thị L.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị T về việc hủy các hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Kim D với bà Vũ Thị M, ông Trần Quốc V và bà Lê Thị Mỹ H; Hợp đồng bán đấu giá tài sản giữa Công ty cổ phần dịch vụ đấu giá T với ông Trần Quốc V, bà Lê Thị Mỹ H, bà Phạm Thị L.

- Đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện đòi 64,1m² đất của bà Thái Thị T.

- Hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 09/2016/QĐ-BPKCTT ngày 09/8/2016 đã được áp dụng đối với bà Phạm Thị L và bà Hoàng Thị Thúy D.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim D được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Bà Thái Thị T được nhận lại số tiền 21.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp ngày 31/7/2014 theo biên lai số AA/2012/24751 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị Kim D phải chịu 1.500.000 đồng chi phí định giá tài sản đã nộp tại phiếu thu số 04 ngày 14/01/2005 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột và 42.170.000 đồng chi phí thẩm định giá tài sản mà bà T đã nộp cho Công ty cổ phần thông tin và thẩm định giá M. Số tiền này bà Nguyễn Thị Kim D có trách nhiệm trả lại cho bà Thái Thị T.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/8/2019, nguyên đơn bà Thái Thị T kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà T. Ngày 28/8/2019, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim D kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà T.

Ngày 29/8/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột có Quyết định số 04/QĐ/KNPT-DS, kháng nghị một phần bản án sơ thẩm với nội dung: Toà án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp chưa đầy đủ, yêu cầu huỷ di chúc của bà T đã hết thời hiệu khởi kiện, bị đơn cũng yêu cầu áp dụng thời hiệu nhưng Toà án cấp sơ thẩm vẫn chấp nhận đơn khởi kiện của bà T, huỷ di chúc lập ngày 13/7/2011 của ông H là vi phạm Điều 154 Bộ luật tố tụng dân sự 2004, sửa đổi năm 2011; nguyên đơn không yêu cầu Toà án chia thừa kế nhưng Toà án cấp sơ thẩm vẫn thụ lý là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, vi phạm khoản 1 Điều 188, khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Toà án cấp sơ thẩm còn một số vi phạm trong tổng đạt văn bản tố tụng; Toà án cấp sơ thẩm buộc bà D chịu chi phí định giá và thẩm định giá là vi phạm Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự; bà T khởi kiện đòi tài sản là không có căn cứ nhưng Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà T là ảnh hưởng đến quyền lợi của bà D; bà T không có đơn xin miễn án phí nhưng Toà án trả lại toàn bộ án phí cho bà T là không đúng. Do đó, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo; bị đơn giữ nguyên đơn kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk thay đổi nội dung kháng nghị, đề nghị huỷ bản án sơ thẩm.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa:

- Về phần thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm và đương sự đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Toà án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật không đúng, không đầy đủ; giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện; vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, giải quyết vụ án không triệt để, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự. Những vi phạm này Tòa án cấp phúc thẩm không thể sửa chữa, khắc phục được. Do đó, căn cứ Điều 284, khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bà Thái Thị T; chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim D; chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2019/DS-ST ngày 14/8/2019 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn được nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột kháng nghị trong thời hạn luật định nên hợp lệ và được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2] Ngoài yêu cầu hủy di chúc, đòi tài sản, bà Thái Thị T còn yêu cầu Tòa án hủy các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định quan hệ tranh chấp là “*Hủy di chúc đã công chứng và đòi tài sản*” là thiếu sót, chưa đầy đủ.

[3] Xét Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về việc tổng đạt văn bản, quyết định tố tụng:

Toà án cấp sơ thẩm chưa thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án số 353C/TB-TLVA ngày 13/5/2016 cho bà Nguyễn Thị Kim D, nhưng bà D đã cử người đại diện uỷ quyền tham gia tố tụng; người đại diện theo uỷ quyền đã được nhận thông báo thụ lý vụ án, đã tham gia phiên họp, phiên toà sơ thẩm nên không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà D.

Trong đơn khởi kiện bổ sung ngày 04/01/2016, nguyên đơn đã cung cấp địa chỉ mới của ông Trần Quốc V, bà Lê Thị Mỹ H tại địa chỉ đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành tổng đạt văn bản, hoặc xác minh tại địa chỉ trên mà tiến hành niêm yết văn bản tại địa chỉ cũ; đồng thời, Toà án cấp sơ thẩm không xác minh nơi cư trú tại Công an phường mà

xác minh thông qua UBND phường là chưa đầy đủ, vi phạm khoản 5 Điều 152 Bộ luật tố tụng dân sự 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2011), khoản 2 Điều 5 Nghị định 31/2014/NĐ-CP ngày 18/4/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú. Tuy nhiên, ông V bà H đã có đơn từ chối tham gia các phiên toà phiên họp, đã nhận bản án sơ thẩm và không có kháng cáo nên Toà án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[4] Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột kháng nghị cho rằng bị đơn cũng yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện, ngày 27/6/2014, bà Thái Thị T khởi kiện yêu cầu huỷ di chúc đã công chứng là hết thời hiệu khởi kiện, Hội đồng xét xử xét thấy:

Điều 645 Bộ luật dân sự 2005 quy định *“Thời hiệu khởi kiện để người thừa kế yêu cầu chia di sản, xác nhận quyền thừa kế của mình hoặc bác bỏ quyền thừa kế của người khác là mười năm, kể từ thời điểm mở thừa kế”*. Khoản 3 Điều 159 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2011) quy định *“Tranh chấp về quyền sở hữu tài sản; tranh chấp về đòi lại tài sản do người khác quản lý, chiếm hữu; tranh chấp về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện”*. Ông Nguyễn Văn H mất ngày 16/5/2012, bà Thái Thị T khởi kiện ngày 27/6/2014 nên thời hiệu khởi kiện vụ án vẫn còn nên việc Tòa án cấp sơ thẩm vẫn xem xét, giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[5] Bà Thái Thị T khởi kiện đòi nhà và đất thuộc thửa đất số 67, tờ bản đồ 20, diện tích 296,6m², địa chỉ đường P, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Hiện nay, thửa đất trên đã được tách thành 02 thửa: thửa đất số 67, tờ bản đồ số 20, diện tích 152,9m² thuộc quyền sử dụng của bà Phạm Thị L; thửa đất số 166, tờ bản đồ số 20, diện tích 143,7m² thuộc quyền sử dụng của chị Hoàng Thị Thuý D. Tại Biên bản định giá tài sản ngày 16/01/2015 (BL 70 - 71), biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/3/2016 (BL 166-167) thể hiện tại thửa đất tranh chấp nhà chia thành 03 ki ốt đang cho thuê, móng xây đá hộc, tường xây gạch, lát gạch ceramic, mái lợp tôn, trần nhựa. Tại chứng thư thẩm định giá ngày 20/3/2018 (BL 263-275) thể hiện thời điểm xây dựng nhà đã lâu, có một phần nhà mới được sửa chữa, nâng cấp lại. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành xác minh, thu thập các tài liệu, chứng cứ về sự tồn tại của căn nhà tại thời điểm mở thừa kế, cũng như nguồn gốc, thời điểm xây dựng, chủ sở hữu của căn nhà hiện tại, mà đã nhận định ngôi nhà cũ của ông H không còn tồn tại, tài sản định giá là tài sản của những người thuê đất để kinh doanh là không có cơ sở. Mặt khác, người thuê nhà Phạm Thị H có bản tự khai nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ về quyền sở hữu đối với căn nhà và không đưa người thuê các ki ốt còn lại vào tham gia tố tụng để làm rõ các vấn đề trên. Đây là các thiếu sót làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và những người thuê nhà.

[6] Về việc định giá tài sản tranh chấp:

Ngày 16/01/2015, Toà án cấp sơ thẩm đã thành lập hội đồng định giá tài sản đối với nhà và đất tranh chấp. Ngày 18/01/2018, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị định giá lại toàn bộ tài sản vì thời điểm định giá lần đầu đã lâu. Tại Công văn số 53/CV-TA ngày 31/01/2018, Toà án cấp sơ thẩm cho rằng đương sự không đồng ý với giá mà Toà án đã thành lập hội đồng định giá ngày 16/01/2015 và yêu cầu thẩm định giá lại nên Toà án đề nghị Công ty Thẩm định giá M – Chi nhánh B thẩm định tài sản.

Theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 104 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì:

“2. Các đương sự có quyền thỏa thuận lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản để thực hiện việc thẩm định giá tài sản và cung cấp kết quả thẩm định giá cho Tòa án.

...

3. Tòa án ra quyết định định giá tài sản và thành lập Hội đồng định giá khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Theo yêu cầu của một hoặc các bên đương sự;

b) Các đương sự không thỏa thuận lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản hoặc đưa ra giá tài sản khác nhau hoặc không thỏa thuận được giá tài sản;

c) Các bên thỏa thuận với nhau hoặc với tổ chức thẩm định giá tài sản theo mức giá thấp so với giá thị trường nơi có tài sản định giá tại thời điểm định giá nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc người thứ ba hoặc có căn cứ cho thấy tổ chức thẩm định giá tài sản đã vi phạm pháp luật khi thẩm định giá.

...

5. Việc định giá lại tài sản được thực hiện trong trường hợp có căn cứ cho rằng kết quả định giá lần đầu không chính xác hoặc không phù hợp với giá thị trường nơi có tài sản định giá tại thời điểm giải quyết vụ án dân sự.”

Như vậy, việc thẩm định giá tài sản thông qua tổ chức thẩm định giá tài sản chỉ do các đương sự thỏa thuận, Toà án chỉ được định giá tài sản thông qua Hội đồng định giá quy định tại khoản 4 Điều 104 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Đồng thời, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu Toà án định giá lại do kết quả định giá lần đầu năm 2015 không phù hợp với giá thị trường năm 2018. Việc Toà án cấp sơ thẩm yêu cầu tổ chức thẩm định giá tài sản tiến hành định giá tài sản là vi phạm khoản 3 Điều 104 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, là xâm phạm đến quyền lợi của các đương sự.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ không đầy đủ, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm

ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, cần chấp nhận một phần Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk và thay đổi kháng nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà, một phần kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2019/DS-ST ngày 14/8/2019 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk và chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

[8] Về chi phí định giá và thẩm định giá tài sản: Sẽ được xử lý khi vụ án được giải quyết lại theo quy định pháp luật.

[9] Về án phí:

[9.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được xử lý khi vụ án được giải quyết lại theo quy định pháp luật.

[9.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do được chấp nhận một phần đơn kháng cáo nên nguyên đơn bà Thái Thị T, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308; khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 104 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 5 Điều 152, khoản 3 Điều 159 Bộ luật tố tụng dân sự 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2011); khoản 2 Điều 5 Nghị định 31/2014/NĐ-CP ngày 18/4/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú;

Áp dụng Điều 645 Bộ luật dân sự 2005;

Áp dụng khoản 3 Điều 148; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Thái Thị T; một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim D; chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; chấp nhận thay đổi kháng nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà;

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2019/DS-ST ngày 14/8/2019 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk và chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về chi phí định giá và thẩm định giá tài sản: Sẽ được xử lý khi vụ án được giải quyết lại theo quy định pháp luật.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Được xử lý khi vụ án được giải quyết lại theo quy định pháp luật.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Thái Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn lại số tiền 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) đã nộp (Trần Thuỳ N nộp thay) theo Biên lai số AA/2019/0002307 ngày 27/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bà Nguyễn Thị Kim D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn lại số tiền 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) đã nộp (Hồ Thị Hải A nộp thay) theo Biên lai số AA/2019/0002369 ngày 06/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

Nguyễn Văn Chung